

## THƯ MỤC

### TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 259 THÁNG 1 NĂM 2019

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 259 tháng 1 năm 2019.

**1. Kinh tế Việt Nam năm 2018 và triển vọng năm 2019/** Trần Thọ Đạt, Tô Trung Thành// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 259 tháng 1/2019 .- Tr. 2 – 16

**Tóm tắt:** Năm 2018, kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7,08%, cao nhất trong vòng hơn một thập niên vừa qua, đồng thời chất lượng tăng trưởng đã có cải thiện. Những động lực đóng góp chính vào tăng trưởng, về phía sản xuất là khu vực FDI với ngành công nghiệp chế biến chế tạo, về phía chi tiêu là tiêu dùng nội địa và thặng dư thương mại. Tuy nhiên, cải thiện môi trường kinh doanh có dấu hiệu chững lại, khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục gặp nhiều khó khăn và rào cản phát triển. Lạm phát và tỷ giá mặc dù nằm trong phạm vi điều chỉnh dự kiến, nhưng đã đưng đầu nhiều sức ép, dư địa chính sách tiền tệ và tài khóa đang bị thu hẹp. Trong năm 2019 và những năm sắp tới, Chính phủ cần kiên định để có những đột phá trong cải cách thể chế và cải thiện môi trường kinh doanh một cách thực chất cho khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời nâng cao khả năng chống đỡ của nền kinh tế đối với những biến động bất ổn từ thế giới.

**Từ khóa:** Tăng trưởng; Lạm phát; Tỷ giá; Chính sách tiền tệ; Chính sách tài khóa

**2. Giám sát của cơ quan dân cử đối với thực thi chính sách, pháp luật về an sinh xã hội tại các tỉnh, thành phố nước ta: Thực trạng và vấn đề/** Mai Ngọc Cường, Bùi Sỹ Lợi, Phạm Thị Hạnh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 259 tháng 1/2019 .- Tr. 17 – 26

**Tóm tắt:** Từ thực tế giám sát của Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các tỉnh, thành phố đối với việc thực thi chính sách pháp luật về an sinh xã hội, bài viết chỉ ra, cần tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát; tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật để tránh trùng chéo và phù hợp thực tiễn; tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ; thực hiện tái giám sát, truy đến cùng việc đối với việc thực hiện kết luận giám sát; nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của bộ máy tham mưu giúp việc cho hoạt động giám sát; nâng cao năng lực và nhận thức của các đối tượng giám sát; đảm bảo các điều kiện thực hiện giám sát; và cần có chế tài xử lý việc thực hiện kết luận giám sát của Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân đối với thực thi chính sách pháp luật và an sinh xã hội.

**Từ khóa:** Giám sát; Chính sách và pháp luật an sinh xã hội; Cơ quan dân cử

**3. Đo lường tác động của biện pháp phi thuế quan Việt Nam đối với nhập khẩu nông sản/ Nguyễn Bích Ngọc// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 259 tháng 1/2019 .- Tr. 27 – 35**

**Tóm tắt:** Với xu hướng tự do hoá thương mại, các biện pháp phi thuế quan đang dần thay thế thuế quan trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu. Các nước đang phát triển thường chú trọng đáp ứng các trở ngại do biện pháp phi thuế quan của nước phát triển đặt ra, trong khi, coi nhẹ vai trò của biện pháp phi thuế quan trong chính sách ngoại thương của chính mình. Trong nghiên cứu này, tác giả đo lường tác động của biện pháp phi thuế quan áp đặt bởi các nước đang phát triển đến dòng hàng hoá nhập khẩu. Tác giả sử dụng mô hình trọng lực hấp dẫn cấu trúc, trong trường hợp nghiên cứu cụ thể tại thị trường Việt Nam đối với hàng nông sản nhập khẩu. Kết quả ước lượng cho thấy phương pháp ước lượng hợp lý cực đại (PPML) là phù hợp nhất với dữ liệu chéo theo sản phẩm. Nghiên cứu chỉ ra rằng biện pháp phi thuế quan của Việt Nam đang có tác động tạo thuận lợi thương mại với mức chưa đáng kể so với tác động của biện pháp thuế quan truyền thống.

**Từ khóa:** Biện pháp phi thuế quan; Chính sách thương mại; Hàng nông sản

**4. Phân tích các yếu tố tác động đến khoảng cách về giới trong tiếp cận tín dụng chính thức ở nông thôn Việt Nam/ Nguyễn Thị Hồng Vững// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 259 tháng 1/2019 .- Tr. 36 – 45**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này sử dụng bộ số liệu Điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình năm 2016 để phân tích các yếu tố tác động đến sự khác biệt về giới trong tiếp cận tín dụng chính thức ở nông thôn Việt Nam. Để đạt được mục tiêu, nghiên cứu đã sử dụng mô hình Logit và phương pháp Blinder-Oaxaca. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: (i) giới tính của chủ hộ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của hộ; (ii) Khoảng cách về giới đối với lượng tín dụng chính thức mà hộ gia đình được vay là 3.899,607 nghìn đồng Việt Nam (VND), các yếu tố tác động đến khoảng cách về giới này bao gồm: các yếu tố có thể giải thích được chiếm 35,16%, và các yếu tố không giải thích được chiếm 64,84%.

**Từ khóa:** Mô hình phân rã Blinder-Oaxaca; Tín dụng chính thức; Mô hình Heckman; Hộ gia đình; Mô hình Logit

**5. Chủ nghĩa vật chất và ý định mua xanh: Nghiên cứu với người tiêu dùng thành thị Việt Nam/ Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Vũ Hùng, Nguyễn Hoàng Linh, Nguyễn Hoàng Minh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 259 tháng 1/2019 .- Tr. 46 – 55**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này tập trung xem xét tác động của ba thành tố thuộc chủ nghĩa vật chất lên ý định mua sản phẩm xanh của người tiêu dùng thành thị ở nền kinh tế mới nổi Việt Nam. Lý thuyết Hành vi có kế hoạch mở rộng được áp dụng làm khung lý thuyết trong nghiên cứu. Các giả thuyết được kiểm định bằng dữ liệu điều tra thu được từ người

tiêu dùng tại Hà Nội. Kết quả hồi quy ủng hộ hầu hết các giả thuyết. Cụ thể, phát hiện của nghiên cứu cho thấy thành tố “thành công” có mối quan hệ ngược chiều với ý định mua xanh, trong khi đó, thành tố “hạnh phúc” có mối quan hệ thuận chiều với ý định mua. Cả ba tiền tố trong mô hình TPB, gồm thái độ đối với mua sản phẩm xanh, chuẩn chủ quan và nhận thức khả năng kiểm soát hành vi được chứng minh là có tác động thuận chiều đến ý định mua. Từ đó, nghiên cứu thảo luận các kết quả và đưa ra hàm ý cho các nhà quản lý và hoạch định chính sách.

**Từ khóa:** Ý định mua xanh; Chủ nghĩa vật chất; Lý thuyết hành vi có kế hoạch; Người tiêu dùng đô thị; Việt Nam

**6. Suy kiệt tài chính và hành vi tránh thuế tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/ Nguyễn Vĩnh Khương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 259 tháng 1/2019 .- Tr. 56 – 64**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mức độ tác động của suy kiệt tài chính đến hành vi tránh thuế tại Việt Nam. Dựa vào dữ liệu từ 74 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong khoảng thời gian 2010-2015, bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, nhóm tác giả kết luận suy kiệt tài chính có tác động nghịch chiều đến hành vi tránh thuế. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả khuyến nghị công ty niêm yết nên lựa chọn các hình thức tránh thuế phù hợp với quy định hiện hành. Cơ quan quản lý cần có chính sách quản lý thuế hợp lý và hiệu quả, phù hợp với chính sách kế toán tại doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Suy kiệt tài chính; Hành vi tránh thuế; Công ty niêm yết

**7. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng phương pháp kế toán ABC tại các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam/ Trần Tú Uyên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 259 tháng 1/2019 .- Tr. 65 – 75**

**Tóm tắt:** Trong khi các nước phát triển trên thế giới đã xây dựng phương pháp kế toán quản trị chi phí hiện đại, cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà quản trị, thì tại Việt Nam nói chung và trong các doanh nghiệp dược phẩm nói riêng vẫn áp dụng phương pháp kế toán chi phí truyền thống. Sau quá trình nghiên cứu đặc điểm của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm tại Việt Nam, tác giả nhận thấy việc áp dụng phương pháp kế toán chi phí theo hoạt động (Activity Based Costing - ABC) phù hợp và sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất dược. Nghiên cứu đã tìm ra 4 nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng phương pháp ABC trong các doanh nghiệp sản xuất dược Việt Nam thông qua mô hình hồi quy nhị phân binary logistic. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao trạng thái áp dụng phương pháp ABC trong quản trị chi phí tại các công ty sản xuất dược phẩm Việt Nam.

**Từ khóa:** Kế toán ABC; Hồi quy nhị phân binary logistic; Quản trị chi phí; Kế toán truyền thống (TSC)

**8. Ảnh hưởng của cấu trúc ngành đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp/** Phạm Thị Thanh Hương, Nguyễn Công Hoàng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 259 tháng 1/2019 .- Tr. 76 – 85

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này có mục đích làm rõ ảnh hưởng của các yếu tố thuộc cấu trúc ngành đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Kết hợp lý thuyết tổ chức công nghiệp và quan điểm dựa vào nguồn lực, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá và hồi quy dựa trên số liệu điều tra từ 250 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận. Kết quả cho thấy chỉ có các lực lượng cạnh tranh ngang (đối thủ cạnh tranh hiện tại, đối thủ cạnh tranh tiềm ẩn và sản phẩm thay thế) trong cấu trúc ngành có ảnh hưởng tiêu cực tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong khi các lực lượng cạnh tranh dọc (nhà cung cấp và khách hàng) không có ảnh hưởng. Hơn nữa, các yếu tố thuộc về nguồn lực của doanh nghiệp có tác động đến hiệu quả kinh doanh một cách tương đương so với tác động của cấu trúc ngành.

**Từ khóa:** Lực lượng cạnh tranh; Cấu trúc ngành; Hiệu quả kinh doanh; Nguồn lực

**9. Đánh giá và lựa chọn phân khúc thị trường bằng mô hình triển khai chức năng chất lượng/** Trương Thị Thùy Dương, Lê Thái Phong, Cao Đình Kiên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 259 tháng 1/2019 .- Tr. 86 – 96

**Tóm tắt:** Phân khúc thị trường là hoạt động cực kỳ quan trọng, quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Chỉ khi thực hiện tốt hoạt động này, doanh nghiệp mới có thể thực hiện tốt các chiến lược tiếp thị cũng như phát triển sản phẩm nhằm đem lại lợi nhuận. Để lựa chọn phân khúc thị trường phù hợp, cần sử dụng nhiều tiêu chuẩn đánh giá và nhiều người ra quyết định. Các tiêu chuẩn đánh giá này bao gồm cả các tiêu chuẩn định tính và tiêu chuẩn định lượng. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu này là xây dựng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn tích hợp giữa mô hình triển khai chức năng chất lượng (QFD) và phương pháp điểm lý tưởng (TOPSIS) để đánh giá và lựa chọn phân khúc thị trường dựa trên lý thuyết tập mờ. Trong mô hình đề xuất, phương pháp TOPSIS được áp dụng để xếp hạng các phân khúc thị trường. Thông qua áp dụng mô hình vào một doanh nghiệp cụ thể, nhóm tác giả đề xuất khả năng áp dụng mô hình này rộng rãi tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Phân khúc thị trường; Mô hình ra quyết định; TOPSIS; QFD

**Trung tâm Thông tin Thư viện**